

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27-02-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiền.

Bà Phạm Thị Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 494/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Hồng S**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Duy K**, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân:

+ Chị Lê Hồng S trình bày: Chị và anh Nguyễn Duy K chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không còn hòa hợp. Thời gian gần đây (khoảng 4-5 tháng nay) anh K thường đi qua đêm nhiều ngày dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau; tiền bạc đi làm về anh K không đưa lại cho vợ con sinh sống, mỗi ngày chỉ gặp nhau không đến 30 phút. Chị và anh K ly thân khoảng 02 tháng nay do anh K về bên nhà cha mẹ ruột ở. Gia đình bên anh K có khuyến can, hàn

gắn cho vợ chồng chung sống lại nhưng mẹ chồng thì không đồng ý cho vợ chồng chung sống tiếp dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

+ Anh Nguyễn Duy K trình bày: Về thời gian kết hôn, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị Lê Hồng S trình bày là đúng. Mặc dù anh vẫn còn thương vợ con nhưng nay chị S cương quyết ly hôn, anh có cố níu kéo cũng không hạnh phúc. Vì vậy, anh đồng ý ly hôn với chị S.

- *Về con chung:*

+ Chị Lê Hồng S trình bày: Chị và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Đình K, sinh năm 2004 và Nguyễn Khánh A, sinh năm 2013. Hiện nay, con chung do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu nguyện vọng của cháu Đình K sống với ai thì người đó nuôi dưỡng, đối với cháu Khánh A chị yêu cầu được nuôi, vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

+ Anh Nguyễn Duy K trình bày: Về con chung như chị S trình bày là đúng. Đối với cháu K có nguyện vọng ở với ai thì giao cho người đó nuôi. Cháu Khánh A thì anh yêu cầu được nuôi con, vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

- *Về tài sản chung:* Chị S và anh K tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ:* Chị Lê Hồng S và anh Nguyễn Duy K trình bày chỉ có nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị L khoảng 18.000.000 đồng đến 19.000.000 đồng. Sau khi ly hôn thỏa thuận anh K trả số tiền này cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thấy rằng chị Lê Hồng S và anh Nguyễn Duy K tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2003 đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị nhận thấy không còn khả năng hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên thuận tình ly hôn với nhau. Tuy nhiên, anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*" Do đó, Hội đồng xét xử cần tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh K không được pháp luật công nhận là vợ chồng là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị S và anh K có 02 con chung tên Nguyễn Đình K, sinh năm 2004 và Nguyễn Khánh A, sinh năm 2013. Tại phiên

tòa chị S và anh K thỏa thuận giao 02 con cho chị S nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng cháu K nên được công nhận là đúng theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[3] Về tài sản chị S và anh K tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về nợ: Quá trình chung sống chị S và anh K xác định có nợ tiền hụi bà Nguyễn Thị L khoảng 18.000.000 đồng đến 19.000.000 đồng. Sau khi ly hôn thỏa thuận anh K trả số tiền này cho bà L. Đối với bà Nguyễn Thị L xác định tự thỏa thuận với anh K về việc trả nợ cho bà nên bà không khởi kiện đòi lại tiền nợ hụi. Do đó, Tòa án không đưa bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Nếu thời gian sau giữa bà L với anh K, chị S không thỏa thuận được với nhau về việc trả nợ thì bà L có quyền khởi kiện thành vụ kiện dân sự khác.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Lê Hồng S và anh Nguyễn Duy K là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình K, sinh năm 2004 và Nguyễn Khánh A, sinh năm 2013 cho chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chị S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Anh Nguyễn Duy K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản và nợ không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình chị S phải chịu 300.000 đồng, chị nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009370 ngày 01/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi nay được chuyển thu, chị S đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên